TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST Ngày: 20-6-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số C A, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;; địa chỉ liên hệ: Số A P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2 Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B, khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Quốc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Hồng L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2023 ngày 13/11/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm thương yêu, chăm sóc nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Nếu Tòa án không cho ly hôn thì ông cũng không đồng ý trở về đoàn tụ với bà L.

Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hồng L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2017. Sau khi ly hôn ông D đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung do bà L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên để ổn định cuộc sống của bé thì ông đồng ý giao con chung cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ông D đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 179; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà L không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông D khởi kiện bà L yêu cầu ly hôn, bà L hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số B, khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L theo đúng quy định tại các Điều 179; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà L không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà L trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn ông Trần Quốc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị Hồng L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, nhưng đến ngày 13/11/2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2023, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng ông D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, sống không hạnh phúc nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà L không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập bà L tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà L vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, vợ chồng đã sống ly thân, ông D xác định không còn tình cảm với bà L, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, trường hợp Tòa án không cho ông ly hôn thì ông cũng không đồng ý đoàn tụ với bà L. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông D về việc ly hôn với bà L.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hồng L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2017. Sau khi ly hôn ông D đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân con chung do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; quá trình tố tụng Tòa án làm việc với cháu L1 thì nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ; để ổn định cuộc sống cũng như sinh hoạt của bé nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông D.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc D với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc D được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng L.

- Về con chung: Giao cháu Trần Hồng L1, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000956 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ông Trần Quốc D còn phải nộp số tiền 300.000 đồng còn lại.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết